SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN TÂM THẦN HÀ NỘI

Số: 355/TM-BVTTHN
V/v mời thẩm định giá gói thầu Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế phục vụ công tác chuyên môn năm 2023 của Bệnh viện Tâm thần Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2023

THƯ MỜI THẨM ĐỊNH GIÁ

Kính gửi: Các tổ chức, đơn vị đủ điều kiện thẩm định giá

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ tình hình nhu cầu thực tế tại đơn vị, để có cơ sở xác định giá gói thầu, làm cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế phục vụ công tác chuyên môn năm 2023 của Bệnh viện Tâm thần Hà Nội, Bệnh viện Tâm thần Hà Nội kính mời các tổ chức, đơn vị có đủ điều kiện thẩm định giá tham gia chào giá thẩm định với nội dung cụ thể như sau:

1. Đơn vị yêu cầu Thẩm định giá

Tên đơn vị: Bệnh viện Tâm thần Hà Nội

Địa chỉ: Ngõ 467 đường Nguyễn Văn Linh, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá Thẩm định giá

Họ và tên: Nguyễn Thị Phương Thảo

Chức vụ: Trưởng phòng Vật tư thiết bị y tế, Bệnh viện Tâm thần Hà Nội

Số điện thoại: 024.6269.0603

Email: phongtbyt.bvtthn@gmail.com

3. Hồ sơ chào giá Thẩm định giá

- Công văn phúc đáp của đơn vị Thẩm định giá;
- Bảng chào phí Thẩm định giá của đơn vị;
- Hồ sơ năng lực, đăng ký kinh doanh của đơn vị;

4. Cách thức tiếp nhận báo giá Thẩm định giá:

- Bảng PDF (Công văn phúc đáp, Bảng chào phí, hồ sơ năng lực, đăng ký kinh doanh của đơn vị) và file mềm (Bảng chào phí) gửi về Hộp thư điện tử: phongtbyt.bvtthn@gmail.com

- Bản cứng có dấu đỏ và các tài liệu liên quan gửi về Phòng Vật tư - Thiết bị y tế, Bệnh viện Tâm thần Hà Nội, Ngõ 467 đường Nguyễn Văn Linh, phường Sài Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Người nhận: DS Nguyễn Thị Phương Thảo. Số điện thoại: 024.6269.0603

5. Thời gian tiếp nhận báo giá thẩm định giá:

Từ 8h00 ngày 04 tháng 8 năm 2023 đến trước 16h30 ngày 14 tháng 8 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

6. Thời hạn có hiệu lực của báo giá thẩm định giá:

Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu thẩm định giá:

1. Danh mục trang thiết bị y tế yêu cầu thẩm định: *Chi tiết danh mục theo phụ lục đính kèm*

2. Thời gian thẩm định giá: *Quí III năm 2023*.

Bệnh viện tâm thần Hà Nội rất mong nhận được sự quan tâm và bản chào giá của Quý tổ chức, đơn vị.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý công ty./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐKHKT;
- Phòng TCKT;
- Tổ CNTT (website bệnh viện)
- Lưu: VT, VT-TBYT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN TÂM THẦN HÀ NỘI

Trần Quyết Thắng

PHỤ LỤC 1.

(Kèm theo Thư mời số 355/TM-BVTTHN ngày 03/08/2023 của Bệnh viện Tâm thần Hà Nội)

STT	Tên danh mục	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Xuất xứ (tham khảo)	Ghi chú
	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM SINH HÓA tương thích với máy M400						
1.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin	ml	1.515	Thuốc thử định lượng nồng độ Albumin trong máu. Phương pháp đo: Bromocresol green. Dải đo: 1,1 - 70 g/L.	2x250mL + 1x5mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
2.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Alanine Aminotransferase ALT/GPT	ml	4.800	Thuốc thử định lượng nồng độ ALT/GPT trong huyết thanh. Phương pháp đo: IFCC. Dải đo: 1,6 - 800 U/L.	1x160mL + 1x40mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
3.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Aspartate Aminotransferasé AST/GOT	ml	4.800	Thuốc thử định lượng nồng độ AST/GOT trong huyết thanh. Phương pháp đo: IFCC. Dải đo: 1,67 - 800 U/L.	1x160mL + 1x40mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
4.	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1	ml	400	Dạng bột đông khô. Thành phần: huyết thanh người.	5x5mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
5.	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2	ml	400	Dạng bột đông khô. Thành phần: huyết thanh người.	5x5mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
6.	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	ml	150	Dạng bột đông khô. Thành phần: huyết thanh người.	5x5mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
7.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm canxi	ml	1.025	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm canxi. Phương pháp đo: Arsenazo III. Dải đo: 0,05 - 4,5 mmol/L.	1x200mL + 1x5mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
8.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	ml	3.075	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm cholesterol. Phương pháp đo: Cholesterol oxidase/peroxidase. Dải đo: 0,008 - 26 mmol/L.	1x200mL + 1x5mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	

STT	Tên danh mục	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Xuất xứ (tham khảo)	Ghi chú
9.	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol HDL	ml	250	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL Cholesterol. Phương pháp đo: Detergent. Dải đo: 0,01 - 5.18 mmol/L.	1x60mL + 1x20mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
10.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine	ml	4.920	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine Phương pháp đo: Jaffe. Dải đo: 2,65 - 1768 µmol/L.	2x50mL + 2x50mL + 1x5mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
11.	Dung dịch rửa máy	ml	5.000	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa Thành phần: Dung dịch rửa chứa Natri hydroxyd 4%. Triton X-100 10%.	'500mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
12.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	ml	4.920	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose Phương pháp đo: Glucose oxidase/ peroxidase. Dải đo: 0,0126 -27,5 mmol/L.	1x200mL + 1x5mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
13.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein	ml	1.515	Hóa chất dùng cho xét nghiệm protein total Phương pháp đo: Biuret. Dải đo: 4,6 -150 g/L.	1x250mL + 1x5mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
14.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides	ml	2.460	Hóa chất dùng cho xét nghiệm triglycerides Phương pháp đo: Glycerol phosphate oxidase/peroxidase. Dải đo: 0,018 - 6,78 mmol/L.	4x50mL + ,1x5mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
15.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ure	ml	4.800	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ure Phương pháp đo: Urease / Glutamate dehydroganase. Dải đo: 0,42 -50 mmol/L.	4x40mL + 4x10mL + 1x5mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
16.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid	ml	1.640	Hóa chất dùng cho xét nghiệm acid uric Phương pháp đo: Uricase / peroxidase. Dải đo: 1,19 - 1487 µmol/L.	1x200mL + 1x5mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	

STT	Tên danh mục	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Xuất xứ (tham khảo)	Ghi chú
17.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm y-Glutamyltransferase (GGT)	ml	2.000	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glutamyltransferase (GGT) Phương pháp đo: IFCC. Dải đo: 1,6 -600 U/L.	1x160mL + 1x40mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
18.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatine Kinase	ml	400	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatine Kinase. Phương pháp đo: IFCC Dải đo: 9,2 - 1300 U/L	1x40mL + 1x10mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
19.	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm CK-MB	ml	2	Dạng bột đông khô. Thành phần: huyết thanh người	1x1mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
20.	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm CK-MB	ml	2	Dạng bột đông khô Thành phần: huyết thanh người	1x1mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
21.	Chất chuẩn cho xét nghiệm HDL-Cholesterol	ml	3	Dạng bột đông khô. Thành phần: chứa huyết thanh người	1x1mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
22.	Chất chuẩn cho xét nghiệm LDL-Cholesterol	ml	2	Dạng bột đông khô. Thành phần: chứa huyết thanh người	1x1mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
23.	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm sinh hóa thường quy mức bệnh lý	ml	15	Dạng bột đông khô. Thành phần: huyết thanh người	1x5mL	Dialab/Áo	
24.	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm sinh hóa thường quy mức bình thường	ml	15	Dạng bột đông khô. Thành phần: huyết thanh người	1x5mL	Dialab/Áo	
25.	Giếng đựng mẫu	Cái	3.000	Vật liệu: Nhựa methacrylate	1000 units	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
26.	Dung dịch rửa máy	ml	15.000	Dung dịch làm sạch dùng trong phòng thí nghiệm, vệ sinh máy. Thành phần: chứa Acid hydrocloric 0,01 mol/L, chất bảo quản, pH 2,0.	4x20ml	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
27.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm C-Reactive Protein	ml	300	Hóa chất dùng cho xét nghiệm C-Reactive Protein Phương pháp đo: LATEX Dải đo: 1,2 - 150 mg/L.	2x40mL + 2x10mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	

STT	Tên danh mục	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Xuất xứ (tham khảo)	Ghi chú
28.	Chất chuẩn cho xét nghiệm CRP	ml	3	Dạng bột đông khô. Thành phần: chứa huyết thanh người	1x1mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
29.	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 1	ml	9	Dạng bột đông khô. Thành phần: chứa huyết thanh người	3x1mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
30.	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 2	ml	9	Dạng bột đông khô. Thành phần: chứa huyết thanh người	3x1mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	
	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC tương thích với máy XN-1000						
31.	Hóa chất pha loãng dùng cho máy huyết học	lít	820	Sử dụng để đo số lượng, kích thước hồng cầu và tiểu cầu, cũng là chất ly giải để đo Hemoglobin, và là dung dịch tạo dòng cho phương pháp đo tế bào dòng chảy. Bảo quản: 2 - 35 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày. Thành phần: Sodium chloride 0,7%; Tris buffer 0,2%; EDTA-2K 0,02%	20L x 1	Sysmex/ Singapore	
32.	Hóa chất ly giải hồng cầu	lít	30	Sử dụng để đo nồng độ hemoglobin trong máu. Bảo quản: 1 - 30 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày. Thành phần: Sodium lauryl sulfate 1,7 g/L	500ml x 3	Sysmex/ Singapore	
33.	Hóa chất ly giải đếm số lượng bạch cầu, bạch cầu ái kiềm, hồng cầu nhân	Lít	25	Sử dụng để đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu basophils, số lượng hồng cầu nhân. Bảo quản: 2 - 35 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày. Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0,20%; Nonionic surfactant 0,10%.	5L x 1	Sysmex/ Singapore	

STT	Tên danh mục	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Xuất xứ (tham khảo)	Ghi chú
34.	Hóa chất ly giải tính số lượng bạch cầu trung tính, bạch cầu lympho, bạch cầu mono, và bạch cầu ưa axit	Lít	20	Sử dụng để đếm số lượng các loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes. Bảo quản: 2 - 35 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày. Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0,07%; Nonionic surfactant 0,17%.	5L x 1	Sysmex/ Singapore	
35.	Hóa chất nhuộm nhân để xác định các tế bào bạch cầu, bạch cầu ái kiềm và hồng cầu nhân	mL	492	Sử dụng để nhuộm nhân tế bào nhằm đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu basophils, số lượng hồng cầu nhân. Bảo quản: 2 - 35 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày. Thành phần: Polymethine 0,005%; Ethylene Glycol 99,9%.	82mL x 2	Sysmex/ Nhật	
36.	Hóa chất nhuộm để xác định các thành phần bạch cầu	mL	252	Sử dụng để nhuộm nhân tế bào bạch cầu nhằm phân biệt 4 loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes. Bảo quản: 2 - 35 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày. Thành phần: Polymethine 0,002%; methanol 3,0%; Ethylene Glycol 96,9%.	42mL x 2	Sysmex/ Nhật	
37.	Hóa chất pha loãng máu toàn phần dùng cho phân tích hồng cầu lưới	mL	3000	Sử dụng trong phân tích hồng cầu lưới và trong phân tích tiểu cầu. Bảo quản: 2 - 35 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày. Thành phần: Tricine buffer 0,17%.	1L x 1	Sysmex/ Singapore	
38.	Hóa chất nhuộm tế bào hồng cầu lưới	mL	24	Sử dụng nhuộm tế bào hồng cầu lưới. Bảo quản: 2 - 35 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày.	12mL x 2	Sysmex/ Nhật	

STT	Tên danh mục	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Xuất xứ (tham khảo)	Ghi chú
				Thành phần: Polymethine dye 0,03%; methanol 7,9%; Ethylene Glycol 92%.			
39.	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức thấp	mL	21	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức thấp Bảo quản: từ 2 - 8 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày ở 2 - 8 độ C. Thành phần: bao gồm tế bào RBC, WBC, PLT, NRBC có nguồn gốc từ máu người.	3mL x 1	Streck/ Mỹ	
40.	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức trung bình	mL	21	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức trung bình. Bảo quản: từ 2 - 8 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày ở 2 - 8 độ C. Thành phần: bao gồm tế bào RBC, WBC, PLT, NRBC có nguồn gốc từ máu người.	3mL x 1	Streck/ Mỹ	
41.	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức cao	mL	21	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức cao. Bảo quản: từ 2 - 8 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày ở 2 - 8 độ C. Thành phần: bao gồm tế bào RBC, WBC, PLT, NRBC có nguồn gốc từ máu người.	3,0mL x 1	Streck/ Mỹ	
42.	Hóa chất rửa máy huyết học	mL	12.800	Dung dịch kiềm mạnh dùng để rửa hệ thống. Bảo quản: 1 - 30 độ C, nơi tối, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp. Thành phần: Sodium Hypochloride 5,0%.	4mL x 20	Sysmex/ Nhật	
	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM ĐIỆN GIẢI tương thích với máy ISE5000						
43.	Bộ hóa chất dùng cho máy phân tích điện giải 5 thông số	ml	35.000	Dùng trong xét nghiệm xác định nồng độ Na, K, Cl, Ca, pH trong mẫu huyết thanh/ nước tiểu pha loãng.	1 bình (gồm: Waste. Std A: 650 ml;	SFRI SAS, Pháp	

STT	Tên danh mục	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Xuất xứ (tham khảo)	Ghi chú
				Thành phần: buffer < 0,1 %, Inorganic salts < 3,0 %, Preservative < 0,05 %.	Std B: 350 ml)		
44.	Dịch rửa dùng cho máy phân tích điện giải	ml	180	Dung dịch rửa dùng cho các máy điện giải. Thành phần: - Hypochlorite de sodium < 0,1 %. - Surfactant < 1,0 % - Conservateurs < 0,05 %	Hộp 30 ml	SFRI SAS, Pháp	
45.	Điện cực Natri dùng cho máy điện giải	Cái	3	Điện cực Natri dùng cho máy điện giải	Hộp 1 cái	SFRI SAS, Pháp	
46.	Điện cực Kali dùng cho máy điện giải	Cái	3	Điện cực Kali dùng cho máy điện giải	Hộp 1 cái	SFRI SAS, Pháp	
47.	Điện cực Clo dùng cho máy điện giải	Cái	3	Điện cực Clo dùng cho máy điện giải	Hộp 1 cái	SFRI SAS, Pháp	
48.	Điện cực Canxi dung cho máy điện giải	Cái	3	Điện cực Canxi dung cho máy điện giải	Hộp 1 cái	SFRI SAS, Pháp	
	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM NƯỚC TIỂU						
49.	Que thử nước tiểu 10 thông số	Test	6.000	Đo các chỉ số: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose (LEU/ NIT/ URO/ PRO/ pH/ BLO/ SG/ KET/ BIL/ GLU). Dạng que. Thời gian đọc kết quả ≤1 phút Hạn dùng: ≥ 24 tháng/ ≥ 3 tháng sau khi mở nắp hộp. Tiêu chuẩn: ISO 13485.	100 test/ hộp	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd. Trung Quốc	